

## Biểu mẫu 15

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT MỸ HÀ NỘI

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục thường xuyên,  
năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	50	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	19	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học		01 lớp/ phòng
8	Bình quân học sinh/lớp		40
III	Số điểm trường		Số m <sup>2</sup> /học viên
IV	Tổng số diện tích đất (m <sup>2</sup> )	15.000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	5.150	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	2.972	
2	Diện tích phòng thí nghiệm (m <sup>2</sup> )	60	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	521	
4	Diện tích phòng lao động sản xuất (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng thực hành (m <sup>2</sup> )	1.704	
6	Diện tích xưởng sản xuất (m <sup>2</sup> )		



VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	102	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	26	
1.1	Khối lớp 10	13	
1.2	Khối lớp 11	16	
1.3	Khối lớp 12	10	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	3	
2.3	Khối lớp 12	9	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	55	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	143	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	25	
5	Thiết bị khác: Loa, máy tính, bảng, bút viết, giấy A1, ghim bảng	100	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú - không có			
XIII	Khu nội trú - không có			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m <sup>2</sup> /học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	08	08		240	120/120
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trung tâm	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)  
  
 Trần Thị Mỹ Hằng